

Số: 90^a/QĐ-CĐSP

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chuẩn đầu ra/Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM LẠNG SƠN

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ - CĐSP ngày 01/8/2017 của Trường CĐSP Lạng Sơn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐSP Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chuẩn đầu ra/Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo của Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019.

Điều 2. Chuẩn đầu ra là cơ sở để các đơn vị xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo các ngành nghề theo quy định.

Điều 3. Trưởng các phòng, khoa, tổ trực thuộc và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HT, các PHT;
- Các đơn vị thuộc trường;
- Đăng Website nhà trường (t/b);
- Lưu: VT, QLĐT.



Nguyễn Thế Dương





**CHUẨN ĐẦU RA/KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU,
YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC
* SAU KHI TỐT NGHIỆP CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 90^a/QĐ-CDSP ngày 03.../4.../2019)

Tên ngành: **TIẾNG TRUNG QUỐC**

Mã ngành: **6220209**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên**

Thời gian đào tạo: **3,0 năm**

1. Giới thiệu chung về ngành/ngành

Chương trình đào tạo tiếng Trung Quốc theo định hướng phiên dịch, đào tạo ra những cử nhân có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về tiếng Trung Quốc và sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc (đạt trình độ B2 theo Khung tham chiếu châu Âu, tức tương đương cấp 4 HSK); có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như năng lực giao tiếp, năng lực xác định vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kĩ năng mềm như giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế, mà ở đó tiếng Trung Quốc được sử dụng như một ngoại ngữ, hay ngôn ngữ quốc tế; có kiến thức về xã hội, văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kĩ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Khối lượng kiến thức đạt được: 2.025 giờ (tương đương 103 tín chỉ).

2. Kiến thức

a) Kiến thức giáo dục chung

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

Trình bày được các quy định cơ bản, cần thiết về tính đặc thù của ngành, nghề khi làm việc với đối tác là người nước ngoài, đảm bảo không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ 2 (tiếng Anh) cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

b) *Kiến thức ngành*

Trình bày được kiến thức cơ bản về Ngữ âm tiếng Trung, nắm được hệ thống phiên âm Latinh, cách viết phiên âm và các đặc điểm của chúng; nắm được các đặc điểm phát âm cơ bản như trọng âm, ngữ điệu, ngắt quãng và chức năng của chúng;

Hiểu biết có hệ thống về Từ vựng – ngữ nghĩa, nắm được cách thức cấu tạo từ tiếng Trung Quốc, phân loại chúng theo cấu tạo, đặc điểm của các loại từ: từ đơn, từ ghép, từ mượn, từ ngữ Văn ngôn... để có thể áp dụng vào các văn bản cần biên phiên dịch.

Trình bày có hệ thống về Ngữ pháp tiếng Trung Quốc hiện đại; sử dụng được các từ loại trong tiếng Trung Quốc và các đặc điểm cú pháp, ngữ nghĩa của chúng; trình bày được các khái niệm và các loại bỏ ngữ phổ biến nhất trong hệ thống ngữ pháp tiếng Trung Quốc như định ngữ - trung tâm ngữ, câu hỏi chính phủ, câu phủ vấn, bỏ ngữ kết quả, bỏ ngữ thời lượng, bỏ ngữ trạng thái... Trên cơ sở đó, người học có thể sử dụng được ngôn ngữ phù hợp với mục đích giao tiếp và có cơ sở nhất định về dịch tiếng Trung Quốc.

Có kiến thức cơ bản, hệ thống bằng tiếng Trung Quốc về các lĩnh vực của cuộc sống; về các chủ điểm: gia đình, nhà trường, giáo dục, sức khỏe, y tế, giải trí, thời tiết, môi trường, thông tin, văn hóa, thể thao, ngân hàng, dân số, địa lý, khoa học, công nghệ, việc làm, phong tục tập quán, nhà nước, pháp luật, lịch sử, văn học, nghệ thuật, kinh tế, thương mại, kinh doanh, chính trị, thông tin truyền thông, máy tính, ...

Có kiến thức về nền văn hóa, văn minh Trung Quốc cổ đại, cận đại và đương đại.

3. Kỹ năng

a) *Kỹ năng cứng*

Sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc trong các tình huống giao tiếp xã hội và đời sống hàng ngày, các kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương HSK 4, cụ thể:

Nghe: Sinh viên nghe hiểu, có khả năng tổng hợp các ý chính và hầu hết các ý chi tiết bài giảng ở cấp độ cao đẳng; tin tức thời sự về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Sinh viên cần phải có khả năng tổng hợp, xử lý và tái tạo thông tin.

Nói: Sinh viên thực hiện những nhiệm vụ giao tiếp xã hội, sinh hoạt và nghề nghiệp. Biết mở đầu, duy trì và kết thúc cuộc đàm thoại. Phong cách giao tiếp tự tin, diễn đạt trôi chảy. Từ vựng, ngữ pháp và ngữ điệu được sử dụng một cách hiệu quả.

Đọc: Sinh viên đọc hiểu được ý chính và hầu hết các ý chi tiết của văn

bản có cấu trúc rõ ràng, chặt chẽ. Sinh viên đọc hiểu được một phần các văn bản có những khái niệm trừu tượng và cấu trúc khó. Hiểu được nội dung văn bản để suy luận, đánh giá các yếu tố thẩm mỹ của ngôn ngữ và văn phong. Sinh viên cần phải tổng hợp, xử lý và tái tạo thông tin.

Viết: Sinh viên nắm vững hệ thống chữ Hán thông dụng thường gặp, viết được đa dạng các loại văn bản khác nhau để đáp ứng các nhu cầu xã hội và công việc. Sinh viên cần phải vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng và thủ pháp viết.

b) Kỹ năng mềm

Có kỹ năng tự học tập, nghiên cứu để mở rộng kiến thức, nâng cao trình độ.

Có khả năng thuyết trình, diễn đạt các vấn đề một cách khoa học. Có khả năng tự chủ, ứng biến linh hoạt trong các tình huống giao tiếp để có thể làm việc độc lập.

Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc với trình độ HSK cấp 4 (tương đương trình độ B2 Khung tham chiếu Châu Âu) trở lên. Giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương A2 trở lên.

Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong khai thác Internet, sử dụng các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, phục vụ công tác và nghiên cứu chuyên ngành.

4. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù, chịu khó và sáng tạo trong công việc;
- Làm việc khoa học, có tính tổ chức kỷ luật;
- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan và tổ chức;
- Có trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ;
- Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi;
- Có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện thay đổi;
- Đánh giá được kết quả làm việc của cá nhân và của các thành viên trong nhóm.

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Biên, phiên dịch viên tại các cơ quan, công ty có sử dụng tiếng Trung Quốc; làm những công việc đòi hỏi khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc như lễ tân, nhân viên nhà hàng, khách sạn, thư ký văn phòng, hướng dẫn viên du lịch...

Ngoài ra, sau khi hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, người học có thể tham gia giảng dạy tiếng Trung Quốc tại các cơ sở giáo dục, trung tâm ngoại ngữ.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành Tiếng trung Quốc, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ, chính trị, văn hóa, xã hội trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo./.

**CHUẨN ĐẦU RA/KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU,
YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC
SAU KHI TỐT NGHIỆP CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 90^a/QĐ-CĐSP ngày 09/11/2019)

Tên ngành: **KẾ TOÁN**
Mã ngành: **6340301**
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên**
Thời gian đào tạo: **3,0 năm**

1. Giới thiệu chung về ngành/ngành

Chương trình đào tạo cao đẳng ngành Kế toán được xây dựng để đào tạo cử nhân kế toán, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; có năng lực chuyên môn, nắm vững nghiệp vụ kế toán tại các loại hình doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp; có khả năng tổ chức và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc. Có kỹ năng, phương pháp thực hành nghề nghiệp, đồng thời có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính trong nền kinh tế thị trường.

Khối lượng kiến thức đạt được: 2.370 giờ (tương đương 109 tín chỉ).

2. Kiến thức

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ 2 (tiếng Anh) cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

Có hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; hiểu biết về chính trị, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu về hạch toán kế toán trong các loại hình đơn vị kế toán như doanh nghiệp sản xuất, thương

mai, dịch vụ, đơn vị dự toán, tổ chức tài chính trung gian, dịch vụ kế toán.

Nắm vững kiến thức về chuyên môn của ngành như kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán thương mại dịch vụ, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán ngân hàng, kế toán máy, thực hành sổ sách kế toán, thống kê, phân tích báo cáo tài chính, chế độ kế toán, chế độ thuế và quản lý tài chính.

Có kiến thức để vận dụng các chuẩn mực, nguyên tắc và chế độ kế toán hiện hành, hiểu biết đầy đủ các quy định trong tổ chức công tác kế toán, có khả năng tính toán và vận dụng thành thạo các hình thức, phương pháp kế toán.

Có trình độ về công nghệ thông tin, sử dụng thành thạo máy vi tính và các nghiệp vụ kế toán trên máy vi tính.

3. Kỹ năng

Có kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; lập các báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp; các đơn vị hành chính, sự nghiệp; kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp; kỹ năng phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập vấn đề tài chính, kế toán; kỹ năng điều hành và tham mưu về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị; kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; có khả năng sử dụng tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công tác.

Phân tích được tình hình tài chính và lập được kế hoạch tài chính của đơn vị. Đủ năng lực để tiếp thu những tiến bộ kỹ thuật mới trong quản lý kinh tế và hội nhập quốc tế.

Sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán thông dụng, tổng hợp và phân tích các dữ liệu trên máy tính phục vụ công tác hạch toán kế toán tại đơn vị.

4. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù, chịu khó và sáng tạo trong công việc;
- Làm việc khoa học, có tính tổ chức kỷ luật;
- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan và tổ chức;
- Có trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ;
- Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi;

- Có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện thay đổi;

- Đánh giá được kết quả làm việc của cá nhân và của các thành viên trong nhóm.

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng đảm nhận công việc kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, thương mại dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế; các tổ chức tài chính, tín dụng, ngân hàng, kho bạc nhà nước; các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công và các tổ chức kinh tế, xã hội.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ, chính trị, văn hóa, xã hội trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo./